

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL21BTS** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02220** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Soạn thảo văn bản**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTPL0358	Nguyễn Chí Cường	10/03/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
2	21BTPL0359	Lê Lộc Duy	19/05/1986			10	8	10	9			9.0		9.1
3	21BTPL0360	Khuru Thị Bích Đào	02/07/2000			9	10	10	9			8.5		8.9
4	21BTPL0361	Lê Thanh Điền	11/11/1985			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
5	21BTPL0362	Trần Thị Cẩm Giang	27/02/2006			9	9	8	8			0.0		3.3
6	21BTPL0363	Võ Nguyễn Bảo Giang	21/07/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
7	21BTPL0364	Cao Thị Hồng Hạnh	24/03/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
8	21BTPL0365	Nguyễn Thị Mộng Khoa	24/08/2005			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
9	21BTPL0366	Nguyễn Tuấn Kiệt	26/07/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
10	21BTPL0367	Trần Thị Ngọc Mai	19/04/2003			10	10	9	9			9.0		9.1
11	21BTPL0368	Quách Văn Măng	/ /1991			10	10	10	10			9.5		9.7
12	21BTPL0369	Lê Trung Nam	04/08/1980			10	8	10	9			7.5		8.2
13	21BTPL0370	Lương Trọng Nghĩa	29/01/1994			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
14	21BTPL0371	Phan Thị Mỹ Phương	23/10/2002			10	10	9	9			9.5		9.4
15	21BTPL0372	Dương Hoàng Sếp	/ /1991			10	9	9	8			0.0		3.5
16	21BTPL0373	Hồ Trường Sơn	16/02/2001			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
17	21BTPL0374	Lê Huỳnh Ngọc Thảo	03/07/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
18	21BTPL0375	Nguyễn Thị Lệ Thu	12/08/1988			10	10	10	10			9.5		9.7
19	21BTPL0376	Nguyễn Ngọc Bảo Thư	21/10/2003			9	8	8	8			8.5		8.4
20	21BTPL0377	Lê Thanh Tiếng	01/01/1986			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
21	21BTPL0378	Bùi Thị Tú Trinh	14/01/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
22	21BTPL0379	Lê Phước Trung	15/10/1984			9	10	9	10			8.5		8.9
23	21BTPL0380	Lê Văn Tuấn	24/04/1986			10	10	10	10			8.5		9.1
24	21BTPL0381	Nguyễn Văn Tùng	10/01/2005			6	6	8	7			0.0		2.8
25	21BTPL0382	Phan Thị Tuyết Vi	06/05/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
26	21BTPL0575	Đặng Thị Út	19/09/1988			9	9	7	10			7.5		8.0
27	21BTPL0576	Phạm Văn Thắng	03/07/1997			10	10	9	10			8.0		8.7
28	21BTPL0582	Võ Thị Duyên	29/07/1997			8	10	8	10			8.5		8.7
29	21BTPL0583	Lê Trung Nguyên	20/03/2001			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
30	21BTPL0587	Nguyễn Văn Điền	07/03/1988			9	9	10	9			10.0		9.7
31	21BTPL0588	Nguyễn Thanh Hải	01/01/1968			10	8	9	9			5.0		6.6

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	-------	-------	------------

Châu Đốc, ngày 15 tháng 6 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà